

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.3	<p>Chủ đầu tư: Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: Số 1228 Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.- Điện thoại : 0254.392.4436- Mã số thuế: 3502208399-009- Tài khoản: 7620790916 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh Phú Mỹ.- Đại diện: Ông Trương Văn Phương - Chức vụ: Giám đốc
E-ĐKC 1.5	<p>Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1, Khu 8, Phường Mông Dương, Tỉnh Quảng Ninh.</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Nhà thầu: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;2. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu;3. Hồ sơ mời thầu;4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người nhận: Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần- Địa chỉ: Số 1228 Độc Lập, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam- Điện thoại: 0254 392 4436;- Fax: 0254 392 4437
E-ĐKC 5.2	<p>Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp cho Bên A một Bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 5% giá trị của hợp đồng.2. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên B có thể chọn một trong các hình thức sau: nộp tiền mặt trực tiếp tại văn phòng Bên A, chuyển khoản hoặc dưới hình thức Thư bảo lãnh của Ngân hàng (phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang) và phải thông báo ngay bằng văn

	<p>bản cho Bên A về việc thực hiện bảo đảm thực hiện Hợp đồng này.</p> <p>3. Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành (nếu có). Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>4. Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị nêu trên và có hiệu lực phù hợp, nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trước 07 ngày lịch tính đến ngày hết hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng mà Chủ đầu tư không nhận được văn bản gia hạn thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu 100% số tiền Bảo đảm thực hiện hợp đồng nói trên của Nhà thầu.</p> <p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B không hoàn thành nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Trong trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng được sử dụng để bồi thường thì thực hiện bồi thường theo thiệt hại thực tế.</p> <p>6. Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; - Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; - Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Bên B nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; - Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; <p><i>(Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh).</i></p>
<p>E-ĐKC 5.4</p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng. - Trường hợp Bên B nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thì Bên A hoàn trả số tiền nêu trên bằng chuyển khoản cho Bên B cùng với thời gian thanh toán của hợp đồng.

E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: ...% giá hợp đồng.
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ <i>[ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)]</i> .
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Không áp dụng.
E-ĐKC 13.1	Phương thức thanh toán: Trong vòng 60 ngày lịch, Bên A sẽ thanh toán chuyển khoản cho Bên B 100% giá trị hợp đồng sau khi nhận đủ các chứng từ sau: - Hóa đơn GTGT theo quy định. - Giấy đề nghị thanh toán (bản gốc). - Biên bản nghiệm thu và quyết toán giá trị hoàn thành công việc (bản gốc). Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: không áp dụng.
E-ĐKC 15	<i>1. Phạt vi phạm thời hạn giao hàng/thực hiện dịch vụ:</i> - Vì bất kỳ lý do gì (ngoại trừ nguyên nhân bất khả kháng), Bên B không thực hiện công việc theo đúng thời hạn quy định tại Điều 7 thì Bên B bị phạt 0,5% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho mỗi ngày chậm trễ; tổng số các lần phạt không quá 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Đồng thời, Bên B sẽ không được thanh toán chi phí cho các ngày phát sinh do vi phạm thời gian thực hiện công việc theo quy định của hợp đồng <i>(trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác)</i> . - Nếu sau 02 ngày lịch kể từ ngày đến hạn phải tập kết vật tư, thiết bị, nhân sự tại công trường theo thông báo của Bên A mà Bên B vẫn

chưa tập kết đủ hoặc nếu sau 02 ngày lịch kể từ ngày đến hạn thực hiện công việc/hoàn thành công việc quy định mà Bên B vẫn không thực hiện/không hoàn tất công việc theo thời gian quy định tại Điều 7 thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với Bên B và trong trường hợp này, Bên B bị phạt 8% giá trị phần hợp đồng bị chấm dứt (*trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác*).

2. *Phạt vi phạm chất lượng dịch vụ:*

- Nếu kết quả nghiệm thu xác nhận chất lượng dịch vụ không đạt hoặc công việc thực hiện không đúng yêu cầu nêu ở Điều 1 thì Bên A có quyền thực hiện một trong các cách thức sau (*trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác*):
 - + Ngừng thực hiện công việc, chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm.
 - + Yêu cầu Bên B làm lại công việc cho đủ số lượng, đạt chất lượng mà không được tính thêm chi phí, việc thực hiện lại công việc đúng chất lượng phải đảm bảo trong thời hạn quy định tại Điều 7 của hợp đồng. Trường hợp công việc làm lại đạt chất lượng nhưng quá thời hạn nêu tại Điều 7 của hợp đồng thì sẽ xử lý như quy định tại Khoản 1 Điều này.
 - + Yêu cầu Bên B làm lại công việc cho đủ số lượng, đạt chất lượng mà không được tính thêm chi phí, việc thực hiện lại công việc đúng chất lượng phải đảm bảo trong thời hạn quy định tại Điều 7 của hợp đồng. Trường hợp công việc làm lại vẫn không đáp ứng yêu cầu theo Điều 1 thì Bên A có quyền tự tổ chức thực hiện hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện. Trong trường hợp này, Bên B phải chịu phạt 8% giá trị phần dịch vụ không đạt chất lượng và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan.
 - + Trong trường hợp Bên B từ chối trách nhiệm hợp đồng thì Bên A có quyền tuyên bố chấm dứt hợp đồng và phạt Bên B 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm, đồng thời, Bên B phải chịu các chi phí cho việc Bên A tự tổ chức thực hiện hoặc thuê đơn vị khác khắc phục các vi phạm nêu trên.

3. *Phạt vi phạm nội quy, quy định:*

- Trong trường hợp nhân sự của Bên B vi phạm nội quy, quy định về an toàn lao động, bảo hộ lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường và các quy định nội bộ khác của Bên A và/hoặc của đơn vị quản lý thiết bị, công trình tại địa điểm thực hiện công việc, vi phạm việc chấp hành sự điều động, chỉ huy, giám sát công việc của Bên A thì Bên B sẽ bị lập biên bản vi phạm và bị phạt 5.000.000 VND/ mỗi trường hợp vi phạm (mỗi nhân sự không vi phạm vượt quá 1 lần và tổng số

lần vi phạm của Bên B không được vượt quá 3 lần).

- Trường hợp Bên B vi phạm vượt quá quy định thì Bên A có quyền xem xét yêu cầu nhân sự của Bên B ngừng thực hiện công việc và Bên B bị phạt 8% giá trị phần công việc vi phạm (*trừ trường hợp hai Bên có thỏa thuận khác*).
4. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên A có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 21 E-ĐKC. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.
 5. Bên nào đơn phương chấm dứt thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng (trừ lý do bất khả kháng và điều kiện Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này) thì phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng bị chấm dứt.
 6. Trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng (nếu có) theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản trước ít nhất 02 ngày làm việc.
 7. Ngoài việc phạt vi phạm theo quy định tại Điều này, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 8 Điều này.

Ghi chú:

- Giá trị hợp đồng làm căn cứ để tính phạt vi phạm hợp đồng là giá chưa bao gồm thuế GTGT.
 - Nếu việc thực hiện lại công việc nêu tại khoản 2 Điều này làm chậm tiến độ hoàn thành công việc quy định tại Điều 7 thì Bên B vẫn phải chịu phạt theo khoản 1 Điều này.
 - Bên A có quyền cản trừ giá trị phạt vi phạm hợp đồng và giá trị bồi thường (nếu có) trong bất kỳ hợp đồng, đơn đặt hàng hoặc nghĩa vụ tài chính mà Bên A phải thanh toán cho Bên B. Trong trường hợp giá trị phạt vi phạm hợp đồng và giá trị bồi thường (nếu có) lớn hơn giá trị hợp đồng, đơn đặt hàng hoặc nghĩa vụ tài chính mà Bên A phải thanh toán cho Bên B thì Bên B vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện thanh toán theo giá trị bồi thường thiệt hại thực tế.
8. Bồi thường thiệt hại:
 - Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 9 và Mục 16 E-ĐKC của hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hợp đồng thì ngoài việc bị phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Mục này của hợp đồng Bên B còn phải bồi thường thiệt hại cho Bên

	A, bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà Bên A phải chịu do Bên B vi phạm hợp đồng gây ra và khoản lợi mà Bên A đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm mà bên vi phạm hợp đồng gây ra.
E-ĐKC 17.1(c)	<p>Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng:</p> <p>1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng. - Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng. - Các trường hợp khác do các bên thỏa thuận. <p>2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết hợp đồng sửa đổi bổ sung.</p>
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Không có.
E-ĐKC 20.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Bên B thực hiện công việc theo yêu cầu của E-HSMT này đảm bảo chất lượng thực hiện dịch vụ và các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Trong vòng tối đa 03 ngày lịch hoặc theo yêu cầu công việc cụ thể.</p>
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 01 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 22.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. - Giải quyết tranh chấp: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. + Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì việc giải quyết tranh chấp sẽ được thực hiện thông qua Toà án có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSMT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSMT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày__ tháng__ năm__⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Gói thầu: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

Thuộc dự án: _____ [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)) [Chủ đầu tư kê khai thông tin];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

- Các căn cứ khác (nếu có). [Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: ____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Chủ đầu tư kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [Hệ thống trích xuất]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____; [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [Chủ đầu tư kê khai]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Thanh toán đúng hạn cho Bên B. Nếu quá thời hạn nêu ở Điều 5 mà Bên A chậm chuyển trả thì Bên A sẽ chịu phạt trả lãi trên những ngày chậm trả thực tế theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Phú Mỹ, Tp. Hồ Chí Minh tại thời điểm thanh toán.
- Tiến hành các thủ tục ra vào công cho người của Bên B (theo danh sách do Bên B cung cấp).
- Hướng dẫn, phổ biến an toàn điện, an toàn thủy cơ nhiệt hóa, an toàn vệ sinh lao động, nội quy, quy định tại công trường cho nhân sự Bên B (theo danh sách Bên B cung cấp) trước khi thực hiện công việc.
- Bàn giao khu vực thi công cho Bên B.

- Sắp xếp cho Bên B địa điểm tập kết vật tư/thiết bị và Bên B tự chịu trách nhiệm về việc che chắn, bảo quản vật tư, thiết bị của mình.
- Cử đại diện có đủ thẩm quyền để giám sát kỹ thuật quá trình thực hiện công việc, nghiệm thu và giải quyết những phát sinh, vướng mắc (nếu có) xảy ra khi được Bên B thông báo.
- Tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán cho Bên B theo quy định.
- Bên A có quyền từ chối nghiệm thu và thanh toán nếu Bên B không thực hiện đúng nội dung được duyệt/được hai Bên thỏa thuận hoặc không thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng.
- Bên A có quyền chấm dứt dịch vụ nếu xét thấy Bên B không có khả năng/không thực hiện công việc đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng, các chi phí phát sinh liên quan đến việc ngừng thực hiện công việc của Bên B trong thời gian này do Bên B tự chi trả.
- Trong quá trình thi công, nếu Bên B không đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình theo yêu cầu mà không khắc phục kịp thời thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và sẽ giao cho đơn vị khác đảm nhiệm để đảm bảo hoàn thành công trình đúng tiến độ và chất lượng theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKC và ĐKCT.
- Trong vòng 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải cung cấp kế hoạch thực hiện và biện pháp thi công để Bên A xem xét trước khi thực hiện công việc, bao gồm:
 - + Biện pháp thi công chi tiết (các bước thực hiện, phương án che chắn);
 - + Thời gian làm việc, lịch làm việc;
 - + Nhân sự thực hiện công việc;
 - + Tiến độ chi tiết thực hiện công việc từng ngày;
 - + Danh sách dụng cụ chuyên dùng, máy móc thi công sử dụng trong công tác (đối với các công cụ dụng cụ chuyên dùng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn thì phải có giấy kiểm định/hiệu chuẩn và còn hiệu lực);
 - + Phương án kiểm soát an toàn khi làm việc.

- Trước 03 ngày lịch kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A danh sách nhân sự kèm theo CCCD/hộ chiếu, chứng chỉ đã được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 3 và danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ mang theo vào công trường để thi công để Bên A kiểm tra và thực hiện thủ tục ra/vào công nhà máy.
- Hằng ngày, Bên B phải lập biên bản theo dõi công việc (gồm công việc thực hiện trong ngày, hình ảnh thi công, nhân sự thi công, CCDC sử dụng, vật tư sử dụng, kế hoạch thực hiện ngày tiếp theo, công tác an toàn,...).
- Bên B phải bố trí tối thiểu 01 nhân sự giám sát chung luôn luôn có mặt tại công trường để giám sát, kiểm tra về tiến độ, chất lượng và an toàn công việc xuyên suốt quá trình thi công. Trong trường hợp có sự thay đổi nhân sự giám sát thì Bên B phải thông báo trước cho Bên A bằng văn bản và chỉ tiến hành thay đổi khi có sự đồng ý của Bên A.
- Chủ động liên hệ về nguồn điện và nước sử dụng cho việc thực hiện công trình. Bên B tự trang bị các thiết bị để đấu nối vào nguồn cung cấp điện, nước đến khu vực thi công (kể cả công tơ điện đã được kiểm định theo quy định) và đảm bảo sử dụng tiết kiệm.
- Thi công đảm bảo an toàn tuyệt đối, đúng tiến độ, không ảnh hưởng đến các công trình hiện hữu khác, nếu có thi công gây ảnh hưởng thì Bên B phải khắc phục mà không tính phát sinh.
- Khi thực hiện dịch vụ, nhân sự của Bên B phải đảm bảo được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cá nhân, bao gồm: Quần áo bảo hộ lao động theo đồng phục, áo phản quang, mũ bảo hộ (dán logo Công ty), giày bảo hộ, kính bảo hộ (bắt buộc khi làm việc tại công trường), khẩu trang và găng tay làm việc, dây đeo an toàn 2 móc có giảm chấn còn hiệu lực thử nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN 5308:1991 và Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH.
- Nhân sự thực hiện công việc của Bên B phải có chứng chỉ đã được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động nhóm 3 theo quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ và Thông tư 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/08/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc các chứng chỉ khác có giá trị tương đương đối với nhân sự nước ngoài); Bên B phải cung cấp cho Bên A bản gốc các chứng chỉ này để Bên A kiểm tra trước khi thực hiện công việc.
- Nhân sự của Bên B khi ra vào làm việc tại địa điểm của Bên A phải chấp hành, tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về an toàn điện, an toàn - vệ sinh lao động, bao gồm nhưng không giới hạn bởi quy định của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động, Nghị định

số 39/2016/NĐ-CP, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH và các văn bản Pháp luật liên quan. Đồng thời, nhân sự của Bên B phải chấp hành, tuân thủ đúng, đầy đủ nội quy lao động, quy định tại nơi làm việc và thực hiện đúng theo hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A.

- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý trong việc đảm bảo an toàn lao động theo quy định của Pháp luật đối với nhân sự của Bên B và các cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện công việc.
- Các công cụ, dụng cụ chuyên dùng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn theo Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH phải có giấy kiểm định và còn hiệu lực.
- Tổ chức kho bãi bảo quản vật tư công trình, bảo quản công trình từ khi khởi công cho đến lúc bàn giao đưa vào sử dụng, địa điểm tập kết vật tư thiết bị phải gần địa điểm thi công để giám sát Bên A thuận tiện kiểm tra. Mọi mất mát, hư hỏng đối với công trình đều phải do Bên B tự sửa chữa, làm lại bằng kinh phí của mình.
- Bên B phải chịu trách nhiệm về bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản, thiết bị, máy móc của Bên B trong quá trình thi công thuộc phạm vi công việc của Bên B trong hợp đồng này.
- Hoàn thành công việc theo đúng yêu cầu và tiến độ trong hợp đồng.
- Trong quá trình triển khai thực hiện, Bên B phải điều động số lượng nhân sự, thiết bị vật tư kịp thời và làm thêm giờ để đảm bảo tiến độ của Bên A khi thực hiện.
- Sau khi hoàn thành công việc theo quy định của hợp đồng, Bên B chịu trách nhiệm thu dọn hiện trường, bàn giao trả lại mặt bằng sạch sẽ, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy.
- Trong quá trình thực hiện các hạng mục công việc phải đảm bảo không phát tán chất thải, hóa chất, bụi ra môi trường.
- Xử lý các sự cố (nếu có) trong quá trình thi công.
- Tuân thủ và chấp hành nghiêm túc các yêu cầu của giám sát Bên A, nếu giám sát Bên A phát hiện công tác thi công của Bên B không đạt đủ số lượng/chất lượng thì Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc làm hỏng, làm sai và phải làm lại theo đúng yêu cầu về số lượng và chất lượng như trong hợp đồng.
- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh phải thông báo cho Bên A bằng văn bản cùng phối hợp giải quyết.
- Nhân sự của Bên B không được chụp ảnh trong quá trình công tác tại công trường (trừ khi có sự đồng ý của Bên A) và không được phép sử dụng thuốc lá tại khu vực của Nhà máy, trường hợp vi phạm Bên B sẽ bị phạt theo quy định tại Khoản 3 E-

ĐKC 15 của hợp đồng.

- Đảm bảo việc thực hiện hợp đồng không làm ảnh hưởng, thiệt hại đến tài sản, sức khỏe, tính mạng con người của Bên A và/hoặc Bên thứ ba; nếu có hư hại, mất mát tài sản, sức khỏe, tính mạng con người của Bên A và/hoặc Bên thứ ba do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình thực hiện dịch vụ để xảy ra sự cố gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, của bên thứ ba và của Bên A.
- Bên B không có quyền chuyển nhượng bất kỳ quyền lợi hoặc nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này cho Bên thứ 3 nào khác mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng và ngay cả sau khi đã kết thúc Hợp đồng, khi không có sự cho phép của Bên A, Bên B không được tiết lộ, sử dụng bất kỳ thông tin nào có được trong quá trình giao dịch bằng văn bản, lời nói, tài liệu điện tử hay bất kỳ hình thức nào khác, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về bí mật kinh doanh, tình hình tài chính, quy định, sản phẩm, công nghệ, nhân sự của Bên A trừ trường hợp đây là các thông tin đã được công bố rộng rãi hoặc buộc cung cấp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.
2. Phương thức thanh toán: ____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT]*.
3. Thuế GTGT ghi ở khoản 1 Điều này khi xuất hóa đơn và thanh toán có thể được điều chỉnh theo Luật thuế GTGT hiện hành.

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*.

Điều 8. Nghiệm thu hợp đồng

- Bên B phải thông báo trước cho Bên A tối thiểu 01 ngày làm việc để phối hợp nghiệm thu.
- Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng theo quy định tại Điều 1

- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên B thông báo hoàn tất công việc bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật và đạt chất lượng theo quy định của hợp đồng, hai Bên cùng tiến hành lập biên bản nghiệm thu và quyết toán giá trị hoàn thành công việc đối với từng hạng mục tương ứng.
- Trong trường hợp Bên A không đồng ý nghiệm thu công việc thì Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B lý do về việc không đồng ý nghiệm thu nêu trên và Bên B sau khi nhận được thông báo của Bên A thì phải tiến hành khắc phục các nội dung chưa đạt mà không được tính chi phí phát sinh và phải chịu phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại E-ĐKC 15.

Điều 9. Bất khả kháng

1. Bất khả kháng là những sự kiện hoặc trường hợp bất thường:
 - a. Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên;
 - b. Không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết hợp đồng;
 - c. Đã xảy ra mà một bên không thể tránh được hoặc không khắc phục được một cách hợp lý;
 - d. Thực tế không thể quy cho bên kia.
2. Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng của Bên nào thì Bên ấy phải thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia và không quá 14 ngày sau phải gửi báo cáo chi tiết về sự kiện bất khả kháng có sự xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Kèm theo bản báo cáo đó cần có bản đề nghị hướng giải quyết để hai Bên cùng thỏa thuận.
3. Nếu có xảy ra bất khả kháng thì thời hạn và nội dung Hợp đồng có thể được thay đổi phù hợp với điều kiện thực tế. Cả hai Bên đều được miễn trừ trách nhiệm do bất khả kháng gây ra ngoại trừ trường hợp Bên nào vi phạm nghĩa vụ thông báo được quy định tại khoản 2 Điều này sẽ không được miễn trừ trách nhiệm.
4. Cả hai Bên tự có trách nhiệm báo cáo các cơ quan cấp trên của mình về trường hợp xảy ra bất khả kháng để xin ý kiến chỉ đạo cần thiết.

Điều 10. Hiệu lực của hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng.
- Hợp đồng kết thúc và xem như đã thanh lý trên cơ sở các Bên hoàn thành trách nhiệm của mình theo quy định trong hợp đồng này

Điều 11. Các quy định chung:

1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Các vấn đề không được đề cập trong hợp đồng này sẽ được điều chỉnh theo quy định của Pháp luật hiện hành.
2. Mọi vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai Bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần tôn trọng, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau. Mọi thỏa thuận đều phải được thể hiện bằng văn bản.
3. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản gốc, Bên B giữ 02 (hai) bản gốc.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**
[xác nhận, ký số]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
[xác nhận, ký số]